

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/1

D71. 113

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23YHDPA

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 01 / 2024

Phòng thi: D71. 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118323001	Huỳnh Lê Thủy	An	17/04/2005	Nữ	10,0	5,0	7,5	001	Thủy	
2	118323003	Tổng Khánh	An	20/06/2005	Nữ	7,6	4,3	6,0	002	Khánh	
3	118323004	Phan Minh	Châu	16/05/2005	Nữ	8,5	3,8	6,2	003	Minh	
4	118323005	Lê Vĩ	Cầm	02/04/2005	Nữ	8,6	4,0	6,3	004	Vĩ	
5	118323007	Nguyễn Thành	Danh	12/04/2005	Nam	7,1	3,3	5,2	005	Danh	
6	118323008	Nguyễn Ngọc Trúc	Duyên	13/10/2004	Nữ	9,1	4,8	7,0	006	Trúc	
7	118323009	Huỳnh Khánh	Đang	30/11/2005	Nam	7,0	3,0	5,0	007	Khánh	
8	118323010	Phạm Huỳnh Hải	Đang	18/03/2005	Nam	8,6	4,3	6,5	008	Hải	
9	118323011	Đỗ Thành	Học	20/08/2005	Nam	8,6	4,8	6,7	009	Thành	
10	118323012	Nguyễn Tâm	Hiếu	25/07/2005	Nam	8,6	5,0	6,8	010	Tâm	
11	118323013	Trương Thúy	Hằng	26/09/2005	Nữ	9,5	3,0	6,3	011	Thúy	
12	118323015	Nguyễn Văn	Huy	24/09/2004	Nam	7,5	3,8	5,7	012	Văn	
13	118323016	Nguyễn Chí	Hương	12/02/2005	Nam	7,0	4,3	5,7	013	Chí	
14	118323018	Lê Nguyễn Trường	Khang	01/06/2001	Nam	8,8	3,8	6,3	014	Trường	
15	118323019	Phạm Việt	Khang	07/10/2005	Nam	9,3	4,0	6,7	015	Việt	
16	118323020	Lâm Trần Duy	Khanh	16/04/2005	Nam	7,1	4,8	6,0	016	Duy	
17	118323021	Võ Trần Minh	Khánh	25/08/2005	Nữ	9,4	4,8	7,1	017	Minh	
18	118323022	Nguyễn Mạnh	Khoa	10/09/2005	Nam	7,3	4,8	6,1	018	Mạnh	4,8
19	118323024	Mai Trung	Kiên	21/04/2005	Nam	7,5	4,0	5,8	019	Trung	
20	118323025	Đặng Quốc	Kiệt	01/07/2005	Nam	7,1	3,8	5,5	020	Quốc	
21	118323027	Trần Vinh	Lâm	26/07/1991	Nam	8,5	5,8	7,2	021	Vinh	
22	118323028	Nguyễn Hoàng Gia	Lộc	03/01/2005	Nam	7,0	4,8	5,9	022	Gia	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thị Anh Duyên

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lan

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23YHDPA

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08/07/2024Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118323031	Bùi Quốc Linh	08/04/2005	Nam	8,1	5,3	6,7	001	<u>Quoc Linh</u>		
2	118323032	Lưu Văn Lượng	29/04/1994	Nam	8,8	4,3	6,6	002	<u>Van Luong</u>		
3	118323034	Đồng Gia Minh	15/09/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	003	<u>Gia Minh</u>		
4	118323036	Ngô Thị Ngọc Ngân	09/01/2005	Nữ	9,1	4,0	6,6	004	<u>Thi Ngoc</u>		
5	118323037	Nguyễn Ánh Ngọc	03/05/2005	Nữ	9,0	3,5	6,3	005	<u>Anh Ngoc</u>		
6	118323079	Trần Thị Ánh Thư	04/02/2004	Nữ	8,5	4,0	6,3	006	<u>Thi Anh</u>		
7	118323081	Bùi Minh Thơ	19/09/2005	Nữ	7,6	5,5	6,6	007	<u>Minh Tho</u>		
8	118323083	Danh Thạch	08/10/1994	Nam	—	—	—	—			
9	118323086	Đặng Nguyễn Ngọc Trân	10/01/2005	Nữ	8,0	4,0	6,0	009	<u>Ngoc Tran</u>		
10	118323089	Huỳnh Minh Anh	26/07/2005	Nữ	7,6	5,5	6,6	010	<u>Minh Anh</u>		
11	118323091	Lâm Khả Linh	08/03/2005	Nữ	7,5	5,8	6,7	011	<u>Khả Linh</u>		
12	118323092	Lâm Ngọc Trâm	01/01/2005	Nữ	7,6	4,8	6,2	012	<u>Ngoc Tram</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Đình Kim Hân

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Chu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23XYHA

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115323001	Võ Thị Thúy Anh	23/03/2005	Nữ	8,4	4,5	6,5	001			
2	115323003	Phạm Quốc Bình	26/07/2005	Nam	7,0	5,5	6,3	002			
3	115323004	Trần Thị Mỹ Duyên	08/02/2005	Nữ	7,1	5,0	6,1	003			
4	115323005	Hà Khánh Đăng	24/09/2005	Nam	7,0	3,5	5,3	004			
5	115323006	Lưu Thị Ngọc Hân	05/03/2005	Nữ	6,8	5,0	5,9	005			
6	115323007	Trần Nguyễn Lê Hân	21/11/2005	Nữ	7,4	5,8	6,6	006			
7	115323008	Đặng Thị Thúy Hồng	11/11/2005	Nữ	7,1	3,8	5,5	007			
8	115323009	Nguyễn Phi Hùng	04/11/2005	Nam	7,3	4,8	6,1	008			
9	115323012	Lê Huy	06/10/2005	Nam	/	/	/	/	/		
10	115323013	Nguyễn Thanh Huy	23/12/2005	Nam	7,1	4,3	5,7	010			
11	115323015	Thạch Thái Phú Huy	02/12/2004	Nam	7,0	4,3	5,7	011			
12	115323016	Tạ Chiêu Vĩnh Khang	31/03/2005	Nam	8,0	3,0	5,5	012			
13	115323018	Lê Nguyễn Yến Khoa	25/10/2005	Nữ	7,6	4,8	6,2	013			
14	115323019	Cao Nhật Linh	20/01/2005	Nam	7,3	4,5	5,9	014			
15	115323020	Mai Thị Thúy Kiều My	31/05/2005	Nữ	8,9	4,0	6,5	015			
16	115323022	Nguyễn Lê Thị Bảo Ngọc	21/07/2005	Nữ	7,6	5,3	6,5	016			
17	115323024	Huỳnh Nguyệt Nhi	19/03/2005	Nữ	7,8	4,8	6,3	017			
18	115323025	Lâm Võ Yến Nhi	26/11/2005	Nữ	7,8	4,5	6,2	018			
19	115323026	Trần Yến Nhi	20/11/2005	Nữ	7,1	4,5	5,8	019			
20	115323028	Kiên Thị Huỳnh Như	24/12/2005	Nữ	7,6	3,8	5,7	020			
21	115323029	Phạm Thị Tuyết Như	20/09/2005	Nữ	8,1	5,5	6,8	021			
22	115323030	Thạch Thị Sô Phan	20/09/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1: Phạm Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Luật Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Luật

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23XYHA

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Tra miệng

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 01 / 2024

Phòng thi: 071.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115323031	Lương Châu Anh	Quốc	06/03/2005	Nam	7,1	4,0	5,6	007	LCAB	
2	115323032	Nguyễn Yến	Quyên	16/09/2005	Nữ	8,0	5,8	6,9	008	Quyên	
3	115323034	Hào Quang	Tâm	28/09/2005	Nam	8,0	4,0	6,0	009	Quang	
4	115323035	Nguyễn Minh	Tân	07/01/2005	Nam	7,8	4,8	6,3	010	Minh	
5	115323037	Nguyễn Hồng	Thắm	21/04/2005	Nữ	7,4	4,8	6,1	011	Hồng	
6	115323038	Lê Thị Thanh	Thảo	13/11/2005	Nữ	8,3	4,5	6,4	012	Thanh	
7	115323039	Phạm Trần Phương	Thảo	16/01/2005	Nữ	7,8	4,5	6,2	013	Phạm	
8	115323040	Trần Văn Dị	Thảo	04/12/2005	Nam	7,5	4,3	5,9	014	Trần	
9	115323041	Bùi Minh	Thơ	19/09/2005	Nữ						uất
10	115323043	Lê Thị Phương	Thùy	10/10/2005	Nữ	7,0	2,8	4,9	016	Phương	
11	115323044	Dương Phú Khả Quý	Tiên	28/01/2005	Nữ	8,0	4,5	6,3	017	Quý	
12	115323045	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/05/2005	Nữ	8,0	3,8	5,9	018	Thùy	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Việt

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Phạm Cao Đức

Cán bộ kiểm tra: Phạm

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

8/1

ĐH. 108

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23CNTP

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....08...../.....01...../.....2023.....

Phòng thi:.....ĐH. 108.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116223001	Lâm Nguyễn Thùy Dương	07/05/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	001	Dương		
2	116223002	Phùng Vi Hân	08/08/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	002	Vi		
3	116223003	Châu Thế Hiền	22/07/2005	Nam	8,0	3,0	5,5	003	Hiền		
4	116223005	Lâm Thị Khánh Ly	10/12/2005	Nữ	8,1	3,3	5,7	004	Ly		
5	116223006	Đặng Kim Ngân	01/01/2005	Nữ	8,8	4,8	6,8	005	Ngân		
6	116223007	Trương Mỹ Ngọc	23/06/2005	Nữ	8,5	3,5	6,0	006	Ngọc		
7	116223009	Kim Sơn Nồng	11/08/2005	Nam	8,5	4,5	6,5	007	Sơn		
8	116223010	Lê Trung Thanh	03/04/2005	Nam	8,0	3,3	5,7	008	Thanh		
9	116223012	Nguyễn Ngọc Mai Thy	06/03/2005	Nữ	8,3	3,5	5,9	009	Thy		
10	116223016	Sơn Thị Diễm	13/02/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	010	Diễm		
11	116223017	Cao Thị Mỹ Duyên	26/09/2005	Nữ	8,3	7,8	8,1	011	Duyên		
12	116223020	Nguyễn Thị Ngọc Hân	14/04/2005	Nữ	8,0	4,3	6,2	012	Hân		
13	116223021	Châu Đăng Khoa	16/02/2005	Nam	8,3	3,5	5,9	013	Khoa		
14	116223022	Lê Thị Phương Lan	11/01/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	014	Lan		
15	116223023	Trần Quang Lâm	10/09/2005	Nam	8,0	2,0	5,0	015	Lâm		
16	116223026	Lê Thị Thảo Nguyên	31/01/2005	Nữ	8,0	3,8	5,9	016	Thảo		
17	116223028	Trần Thị Thảo Nguyên	27/06/2005	Nữ	8,0	3,0	5,5	017	Thảo		
18	116223030	Phan Nguyễn Quỳnh Như	28/08/2005	Nữ	8,0	3,0	5,5	018	Quỳnh		
19	116223032	Phan Thị Hồng Phượng	06/12/2005	Nữ	8,0	5,0	6,5	019	Hồng		
20	116223033	Huỳnh Nhật Tân	30/03/2005	Nam	8,0	4,0	6,0	020	Tân		
21	116223034	Lâm Thị Hồng Thắm	22/04/2005	Nữ	8,0	4,8	6,4	021	Thắm		
22	116223035	Lê Văn Thuận	17/09/2005	Nam	8,0	3,0	5,5	022	Thuận		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....22.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....22.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....22.....

Tổng số tờ:.....22.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

811

071 110

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23CNTP

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Tra cứu thực

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....08.....01...../2024.....

Phòng thi: 0711:20.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116223036	Đào Thị Anh	08/09/2005	Nữ	8,1	4,0	6,1	001			
2	116223037	Lê Anh	25/10/2005	Nữ	8,1	3,5	5,8	002			
3	116223038	Nguyễn Ngọc Thanh	05/12/2005	Nữ	8,0	4,0	6,0	003			
4	116223039	Nguyễn Thị Thanh	23/12/2005	Nữ	8,0	3,8	5,9	004			
5	116223040	Nguyễn Thùy	10/11/2005	Nữ	7,5	4,3	5,9	005			
6	116223041	Lưu Bảo	03/11/2005	Nam	8,6	4,0	6,3	006			
7	116223043	Chau Sóc	11/12/2003	Nam	8,0	4,5	6,3	019			
8	116223044	Nguyễn Hoàng	02/12/2005	Nam	8,0	3,5	5,8	022			
9	116223046	Thạch Thị Thanh	15/03/2005	Nữ	8,0	4,5	6,3	020			
10	116223047	Trần Duy	08/01/2005	Nam	8,0	3,8	5,9	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10..

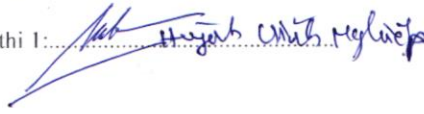
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10..

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: 

Cán bộ ghi điểm: 

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....


Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23XYHB

CBGD: Lê Thủy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
08 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115323046	Phạm Đào Ngọc	Trình	21/10/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	001	<u>Ngọc</u>	
2	115323047	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05/08/2005	Nữ	7,5	4,3	5,9	002	<u>Trúc</u>	
3	115323049	Mai Thị Cẩm	Vân	13/10/2005	Nữ	8,0	5,3	6,7	003	<u>Vân</u>	
4	115323051	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	08/02/2005	Nữ	8,3	4,0	6,2	004	<u>Khánh</u>	
5	115323052	Nguyễn Thị Khánh	Vy	02/08/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
6	115323053	Nguyễn Thị Thúy	Vy	09/11/2005	Nữ	8,3	5,8	7,1	006	<u>Thúy</u>	
7	115323054	Nguyễn Tường	Vy	26/10/2005	Nữ	8,6	4,8	6,7	007	<u>Tường</u>	
8	115323056	Trần Thị Như	Ý	29/07/2005	Nữ	8,3	4,5	6,4	008	<u>Ng</u>	
9	115323058	Trương Hải	Yến	10/10/2005	Nữ	7,8	3,5	5,7	009	<u>Hải</u>	
10	115323059	Lâm Thị Khanh	Duy	24/05/2005	Nữ	8,5	4,5	6,5	010	<u>Duy</u>	
11	115323060	Lê Đông	Duy	09/11/2005	Nam	8,3	5,0	6,7	011	<u>Đ</u>	
12	115323061	Thạch Minh	Đức	04/02/2005	Nam	8,3	3,8	6,1	012	<u>Đ</u>	
13	115323062	Hà Thế	Hào	21/11/2005	Nam	8,5	4,5	6,5	013	<u>Hà</u>	
14	115323063	Trần Thị Thái	Hân	13/05/2005	Nữ	7,8	3,5	5,7	014	<u>Thái</u>	
15	115323064	Trần Thị Mỹ	Hằng	02/02/2005	Nữ	—	—	—	—	—	
16	115323065	Trần Thị Mỹ	Hào	17/08/2005	Nữ	8,4	4,8	6,6	016	<u>Thao</u>	
17	115323066	Nguyễn Đông	Huy	17/02/2005	Nam	8,3	4,5	6,4	017	<u>Huy</u>	
18	115323067	Nguyễn Duy	Khánh	06/09/2005	Nam	—	—	—	—	—	
19	115323069	Huỳnh Thị Gia	Khiêm	06/06/2004	Nữ	—	—	—	—	—	
20	115323071	Nguyễn Đăng	Khoa	23/11/2005	Nam	8,3	4,5	6,4	020	<u>Đ</u>	
21	115323072	Ngô Tuấn	Kiệt	15/09/2005	Nam	8,1	5,0	6,6	021	<u>K</u>	
22	115323074	Nguyễn Hồng Yến	Lan	18/01/2005	Nữ	7,5	5,0	6,3	022	<u>Y</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Đình Phương Lan

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (68 -)/DA23XYHB

CBGD: Lê Thúy Hằng (00340)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

08 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.11.2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115323075	Thạch Ngọc Xuân	Mai	Nữ	7,8	4,5	6,2	001	mail		
2	115323076	Nguyễn Thành	Nam	Nam	9,4	5,3	7,4	002	mao		
3	115323078	Trần Bá	Nghệ	Nam	8,3	5,3	6,8	003	th		
4	115323079	Lê Quỳnh	Nhi	Nữ	8,0	5,3	6,7	004	zly		
5	115323080	Lương Minh	Nhật	Nam	8,3	4,3	6,3	005	ph		
6	115323081	Trần Phú	Thịnh	Nam	8,4	4,0	6,2	006	zlv		
7	115323082	Dương Thị Anh	Thư	Nữ	7,8	5,5	6,7	007	th		
8	115323083	Lê Như	Thủy	Nữ	8,9	4,8	6,9	008	h20		
9	115323086	Trương Quỳnh	Trân	Nữ	8,9	5,0	7,0	009	tran		
10	115323087	Trần Minh	Trí	Nam	8,9	5,0	7,0	010	th		
11	115323088	Trần Thị Ánh	Tuyết	Nữ	8,5	3,8	6,2	011	th		
12	115323089	Phan Thủy	Vy	Nữ	8,0	5,8	6,9	012	thuy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 28 tháng 01 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Laat Cao Duyệt phước loan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành